TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 3 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1982; Cư trú tại: Ấp Khai H, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Việt T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Khai H, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày*:

- Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay. Chị H xác định không thể tiếp tục chung sống vì tình cảm không còn, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Mỹ H, sinh năm 2003 và Lê H, sinh ngày 15/11/2007. Khi ly hôn chị H yêu cầu nguyện vọng cháu H ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con. Cháu H trưởng thành không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Lê Việt T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh T không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Mỹ Hừng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Việt T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được, anh chị đã ly thân nhau 10 năm nay. Chị H xác định không còn tình cảm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn ai quan tâm đến ai. Anh T không có ý kiến về yêu cầu này của chị H cho thấy anh không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn của anh chị là thực tế có xảy ra nên yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị H thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tuy nhiên, tại văn bản ngày 03/3/2022, cháu Lê H có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Lê H cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Lê Mỹ H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, anh T cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ H.

1.1 Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Mỹ H được ly hôn anh Lê Việt T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê H, sinh ngày 15/11/2007 cho chị Nguyễn Mỹ H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Việt T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Mỹ H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011996 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viễn kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc